

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 9 - 2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phương Quốc Luyện

2. Bà Mạc Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Giao - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1996;

Nơi ĐKKH: Số 2/63 phố L, khu L, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Xóm Đ, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn X, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHTT: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi làm việc: Công ty TNHHCP thực phẩm H (Địa chỉ: Số 02 - 16 đường N, phường T, khu T, thành phố Đ, Đài Bắc, Đài Loan.)

* Người làm chứng: Ông Đoàn Văn S, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh X, ông S đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2020, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn X đăng ký kết hôn ngày 02/02/2017 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống tại nhà

bố mẹ đẻ anh X ở khu dân cư K, phường C. Đầu năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống với nhau lâu ngày nhưng không có con, mặc dù vợ chồng đã chữa trị nhiều nơi nhưng không có kết quả; trong cuộc sống vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra bất đồng, cãi vã, không thể hòa hợp. Từ tháng 7/2019, chị bỏ ra ngoài và thuê trọ ở xóm Đ, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể về đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh X. Về con chung: Không có. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại các bản tự khai ngày 11 và ngày 12/02/2020, anh Đoàn Văn X trình bày thống nhất với ý kiến của chị Phạm Thị H. Xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2019, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không có con. Cuộc sống vợ chồng ngày càng bí bách, mệt mỏi và mất dần tình cảm. Tháng 7/2019, chị H bỏ nhà ra ngoài sống. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không thể về đoàn tụ được nên cũng nhất trí ly hôn chị H. Về con chung: Không có. Về quan hệ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Văn X xuất cảnh sang Đài Loan lao động. Tại công văn trả lời số 3300/QLXNC-P5 ngày 12/3/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định: Anh Đoàn Văn X xuất cảnh qua cửa khẩu N ngày 16/02/2020, chưa có thông tin nhập cảnh.

- Ông Đoàn Văn S – bố đẻ anh X xác định: Khoảng tháng 7/2019, gia đình ông phát hiện chị H và anh X phát sinh mâu thuẫn và lạnh nhạt với nhau. Nguyên nhân cụ thể thì ông không nắm được vì hỏi chị H, anh X không nói. Gia đình đã khuyên bảo nhưng không được. Sau đó, chị H xin phép gia đình thu dọn đồ đạc đi về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay chị H cũng không liên lạc với gia đình ông. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo nguyện vọng của chị H và anh X. Về con chung: Chị H và anh X không có con chung.

- Tại biên bản xác minh với trưởng khu dân cư K ngày 13/5/2020 xác định: Năm 2019, chị H, anh X chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh X ở khu dân cư K, phường C. Sau đó, địa phương không thấy chị H ở cùng với anh X. Chị H đi đâu, địa phương không rõ. Đến ngày 13/01/2020, chị H có đến địa phương xin xác nhận để làm thủ tục ly hôn với anh X và chỉ nói là do vợ chồng không hợp nhau còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa chị H và anh X thế nào địa phương không nắm được. Nay chị H xin ly hôn với anh X, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của các bên để giải quyết. Về con chung: Chị H và anh X không có con chung.

Tại phiên tòa:

Chị H, anh X đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 471, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Đoàn Văn X. Về con chung: Không có. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đoàn Văn X đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu dân cư K, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Phạm Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Đoàn Văn X, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đoàn Văn X xuất cảnh sang Đài Loan lao động. Theo quy định tại 471 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án không thay đổi về thẩm quyền giải quyết.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn - chị Phạm Thị H, bị đơn - anh Đoàn Văn X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh X.

[3] Chị Phạm Thị H và anh Đoàn Văn X kết hôn với nhau ngày 02/02/2017 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C. Do vậy, hôn nhân của chị H, anh X là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và không có con chung. Từ tháng 7/2019, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Gia đình đã động viên, hòa giải nhưng không được. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh X từ tháng 7/2019 đến nay không sống chung; không

quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả chị H và anh X đều xác định không thể về đoàn tụ và mong muốn được ly hôn. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh X.

[4] Về con chung: Chị H, anh X không có con chung nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 471, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Đoàn Văn X.
2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006336 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường C (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang